

Số: /TTr-BGTVT

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

**TỜ TRÌNH**

**Về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư  
Dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương**

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019 của Quốc hội;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài; số 97/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài;*

*Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 330/QĐ-TTg ngày 02/3/2016 phê duyệt danh mục Dự án “Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương”, vay vốn Ngân hàng Thế giới; số 1114/QĐ-TTg ngày 24/7/2020 phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (Dự án LRAMP);*

*Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (GTVT): số 622/QĐ-BGTVT ngày 03/02/2016 phê duyệt Dự án LRAMP; số 1698/QĐ-BGTVT ngày 15/6/2017 phê duyệt điều chỉnh một số nội dung trong Quyết định số 622/QĐ-BGTVT ngày 03/02/2016; số 711/QĐ-BGTVT ngày 25/4/2019 phê duyệt điều chỉnh danh mục cầu thuộc Chương trình xây dựng cầu dân sinh đảm bảo ATGT vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2014-2020 và danh mục cầu Dự án LRAMP; số 1003/QĐ-BGTVT ngày 02/6/2021 phê duyệt điều hòa vốn ODA và điều chỉnh danh mục cầu Dự án LRAMP;*

Bộ GTVT kính trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án LRAMP với các nội dung chính như sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN**

**1. Tên dự án:** Dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (Dự án LRAMP - Local Road Assets Management Project).

**2. Cơ quan chủ quản/Chủ dự án**

**2.1 Hợp phần 1 - Khôi phục và cải tạo đường địa phương**

- Bộ GTVT là cơ quan chủ quản và điều phối chung Dự án.

- Ủy ban nhân dân (UBND) 14 tỉnh (Lào Cai, Hà Giang, Bắc Kạn, Cao Bằng, Lạng Sơn, Nam Định, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, và Bình Định) là cơ quan chủ quản các Dự án thành phần trên địa bàn tỉnh.

**2.2 Hợp phần 2 - Xây dựng cầu dân sinh**

- Bộ Giao thông vận tải là cơ quan chủ quản.
- Tổng cục Đường bộ Việt Nam là Chủ dự án (Chủ đầu tư).
- Các Ban Quản lý dự án (QLDA) 3, 4, 6, 8 là các Ban QLDA chuyên ngành thực hiện quản lý.

### **2.3 Hợp phần tư vấn chung**

- Bộ Giao thông vận tải là cơ quan chủ quản.
- Tổng cục Đường bộ Việt Nam là Chủ dự án.
- Ban QLDA6 là đơn vị quản lý.

**3. Nhà tài trợ:** Ngân hàng Thế giới (WB), sử dụng vốn vay IDA.

### **4. Mục tiêu, quy mô và phạm vi**

- **Hợp phần Khôi phục và cải tạo đường địa phương:** Thực hiện trên địa bàn 14 tỉnh (Lào Cai, Hà Giang, Bắc Kạn, Cao Bằng, Lạng Sơn, Nam Định, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, và Bình Định): Khôi phục, cải tạo tối thiểu 676 km đường địa phương; bảo dưỡng thường xuyên, kết hợp sửa chữa định kỳ, đảm bảo đến năm cuối của Dự án đạt 61.109 km (100% bảo trì theo mức độ tối thiểu). Tổng mức đầu tư (TMĐT) là 3.296,81 tỷ đồng (vốn vay WB: 3.038,31 tỷ đồng; vốn đối ứng: 258,5 tỷ đồng).

- **Hợp phần Xây dựng cầu dân sinh:** Xây dựng mới tối thiểu **2.174** cầu dân sinh có tính cấp thiết, trên tổng số 4.145 cầu trong Chương trình Xây dựng cầu dân sinh. Phạm vi thực hiện trên địa bàn 50 tỉnh (Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Lào Cai, Yên Bái, Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Tuyên Quang, Phú Thọ, Thái Nguyên, Vĩnh Phúc, Bắc Giang, Hòa Bình, Hải Dương, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng, Phú Yên, Ninh Thuận, Khánh Hòa, Bình Thuận, Bình Phước, Đồng Nai, Tây Ninh, Vĩnh Long, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Cần Thơ, Hậu Giang, An Giang, Kiên Giang, Đồng Tháp và Bến Tre). TMĐT là 5.798,130 tỷ đồng (vốn vay WB: 5.525,220 tỷ đồng, vốn đối ứng: 272,910 tỷ đồng).

- **Hợp phần tư vấn chung:** TMĐT Hợp phần tư vấn chung là 108,45 tỷ đồng (vốn vay WB 101,28 tỷ đồng, vốn đối ứng: 7,17 tỷ đồng) để lập dự án đầu tư và thực hiện 06 hồ trợ kỹ thuật.

**5. Dự án nhóm:** A.

**6. Thời gian thực hiện:** Từ năm 2016 đến năm 2021.

**7. Địa điểm thực hiện:** Địa bàn 51 tỉnh, thành phố.

**8. Tổng mức đầu tư: 9.203,38 tỷ đồng** (tương đương **408,93** triệu USD), trong đó:

- Vốn vay WB: **385** triệu USD (tương đương **8.664,81** tỷ đồng).
- + Hợp phần đường: 135 triệu USD.
- + Hợp phần cầu: 245,5 triệu USD.
- + Hợp phần tư vấn chung: 4,5 triệu USD.
- Vốn đối ứng: **538,58** tỷ đồng (tương đương **23,93** triệu USD), gồm: chi phí lập dự án đầu tư, QLDA, kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành, giải phóng mặt

bằng (GPMB), rà phá bom mìn vật nổ (BMVN). Riêng chi phí GPMB và rà phá BMVN của Hợp phần cầu, sử dụng ngân sách địa phương, không tính trong TMĐT của Dự án.

## **9. Cơ chế tài chính**

### **- Hợp phần Khôi phục và cải tạo đường địa phương:**

+ Vốn vay WB: Chính phủ vay và thực hiện cơ chế cấp phát một phần, một phần áp dụng cơ chế cho vay lại từ ngân sách nhà nước đối với các tỉnh tham gia Dự án (tỷ lệ cho vay lại từ 10-30% tùy theo từng tỉnh).

+ Vốn đối ứng ngân sách trung ương: Phần vốn do Bộ GTVT thực hiện được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của Bộ GTVT.

+ Vốn đối ứng địa phương: Do các tỉnh tham gia Dự án bố trí từ nguồn ngân sách địa phương.

### **- Hợp phần Xây dựng cầu dân sinh và Hợp phần tư vấn chung**

+ Vốn vay WB: Chính phủ vay và thực hiện cơ chế cấp phát 100% cho Bộ GTVT.

+ Vốn đối ứng Ngân sách trung ương: Phần vốn do Bộ GTVT thực hiện được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của Bộ GTVT.

+ Vốn đối ứng địa phương: Do các tỉnh tự bố trí từ ngân sách địa phương cho GPMB và rà phá BMVN, không tính trong TMĐT của Dự án.

## **II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN**

Theo Hiệp định vay vốn và quyết định đầu tư, Dự án LRAMP được thực hiện theo hình thức PforR trong 05 năm với các mục tiêu chính: Khôi phục, cải tạo tối thiểu 676 km đường địa phương và bảo dưỡng thường xuyên, kết hợp sửa chữa định kỳ, đảm bảo đến năm cuối của Dự án bảo trì đạt 61.109 km (100% bảo trì theo mức độ tối thiểu; xây dựng tối thiểu 2.174 cầu dân sinh. Qua 4,5 năm triển khai, các mục tiêu và kết quả chính của Dự án đều đã đạt và vượt so với kế hoạch đề ra, cụ thể:

### **1. Kết quả thực hiện Hợp phần khôi phục và cải tạo đường địa phương**

- Công tác khôi phục cải tạo: Đã phê duyệt các Dự án thành phần với tổng số 1.077 km đường; thi công hoàn thành 880 km đường (đạt 130% so với yêu cầu tối thiểu 676km); giá trị thực hiện đến nay ước đạt 3.000 tỷ đồng (đạt 90%); giải ngân vốn vay WB đến nay đạt: 2.761/3.038 tỷ đồng (đạt 91% TMĐT).

- Công tác bảo trì và bảo dưỡng thường xuyên, bố trí vốn cho công tác bảo trì: Hầu hết các tỉnh đáp ứng và vượt kế hoạch trong Hiệp định vay vốn. Riêng tỉnh Bình Định (số vốn) và Hà Giang (số km bảo dưỡng thường xuyên) qua kết quả xác minh chỉ số giải ngân không đạt theo yêu cầu. Tuy nhiên, xét trên tổng thể 14 tỉnh, số vốn dành cho bảo trì và số km đường được bảo dưỡng thường xuyên đều tăng và đạt yêu cầu của Hiệp định vay vốn và Dự án.

### **2. Kết quả thực hiện Hợp phần cầu và Hợp phần tư vấn chung**

- Tổng số cầu đã khởi công là 2.398/2.174 cầu dự kiến ban đầu đạt 110%, vượt 224 cầu. Số cầu hoàn thành là 2.248 cầu, đạt 103%, vượt 74 cầu. Số cầu bàn giao vào sử dụng là 2.054 cầu, đạt 94%. Tổng giá trị thực hiện đến nay ước đạt 5.117 tỷ đồng, đạt 88% so với TMĐT 5.798 tỷ đồng.

- Hợp phần tư vấn chung gồm 6 gói thầu dịch vụ Tư vấn: Đến nay đã hoàn

thành 2/6 gói thầu là CS2, CS5. Các gói thầu CS1, CS3, CS6 đang triển khai, cơ bản đáp ứng yêu cầu của Dự án. Riêng gói thầu CS4 (Phát triển hệ thống quản lý tài sản đường địa phương), hiện nay đang thương thảo với Nhà thầu và đã trình Bộ GTVT điều chỉnh nhiệm vụ, giảm giá trị gói thầu từ 22,51 tỷ đồng còn 2,79 tỷ đồng.

### **3. Về vốn bố trí và giải ngân**

- Đối với Hợp phần cầu và Hợp phần tư vấn chung: Kế hoạch vốn đã giao là 5.471 tỷ đồng, đạt 91% so với TMĐT 5.907 tỷ đồng. Lũy kế giải ngân đến nay 5.081 tỷ đồng, đạt 86% TMĐT là 5.907 tỷ đồng. Đối với vốn vay WB, Hợp phần cầu kế hoạch năm 2021 được giao 424,78 tỷ đồng, hiện đã giải ngân được 175,35/424,78, đạt 40%. Dự kiến hết Quý III năm 2021 sẽ giải ngân thêm 107 tỷ đồng; số vốn còn lại khoảng 142 tỷ sẽ tiếp tục rút và giải ngân trong Quý IV năm 2021 đảm bảo hoàn thành kế hoạch.

- Hợp phần đường: Lũy kế giải ngân đến nay đạt 2.779/3.296 tỷ đồng TMĐT, đạt 84% (vốn vay WB và vốn đối ứng). Theo tổng hợp từ các địa phương, kế hoạch vốn năm 2021 là: 444,5 tỷ đồng (vốn vay WB: 407,4 tỷ; đối ứng: 37,11 tỷ), hiện các địa phương đã giải ngân được 37,6 tỷ đồng, đạt 8,5% (vốn vay WB: 25,6 tỷ; đối ứng: 12 tỷ).

Nhìn chung, công tác giải ngân đảm bảo theo kế hoạch vốn được bố trí, đáp ứng tiến độ Dự án và vượt so với kế hoạch trong Hiệp định vay vốn của Dự án.

### **4. Về kết quả thực hiện vốn dự (Điều chỉnh chủ trương đầu tư lần 1) theo Quyết định số 1114/QĐ-TTg ngày 24/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ**

Trong quá trình thực hiện, Bộ GTVT đã có các Tờ trình: số 4454/TTr - BGTVT ngày 11/5/2020; số 6646/BGTVT-KHĐT ngày 13/7/2020 kiến nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép sử dụng vốn dự sau đấu thầu, dự đối ứng và dự phòng 5%.

Trên cơ sở kiến nghị của Bộ GTVT và ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 3866/BKHĐT-KTĐN ngày 15/6/2020, ý kiến của Bộ Tài chính tại văn bản số 7244/BTC-QLN ngày 16/6/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1114/QĐ-TTg ngày 24/7/2020 phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án LRAMP (lần 1) cho phép Bộ GTVT được sử dụng phần vốn dự từ nguồn: tiết kiệm sau đấu thầu, dự phòng 5% của các công trình, dự đối ứng của Dự án.

Bộ GTVT đã sử dụng vốn dự để thực hiện thêm các mục tiêu của Dự án, cụ thể: Hợp phần cầu đầu tư thêm khoảng 133 cầu dân sinh, đến nay Dự án đã hoàn thành vượt 224 cầu so với yêu cầu 2.174 cầu; Hợp phần đường đến nay đã hoàn thành 880 km/676 km, dự kiến sẽ hoàn thành khoảng 1.077 km.

## **III. ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ (lần 2)**

### **1. Đề xuất sử dụng vốn dự do chênh lệch tỷ giá**

#### **a) Vốn dự do chênh lệch tỷ giá**

Trên cơ sở số vốn SDR còn lại của Hiệp định vay sau khi đã rút vốn đến nay của Hợp phần cầu và Hợp phần đường (theo thực tế các đơn rút vốn đã thực hiện), Chủ dự án đã quy đổi từ SDR ra USD (theo tỷ giá trung bình của các đơn rút vốn trong vòng 01 năm trở lại đây, 1SDR=1,421USD); sau đó quy đổi từ USD sang VNĐ (theo tỷ giá trung bình của các đơn rút vốn trong vòng 01 năm trở lại đây,

1USD =23.168 đồng).

Phần vốn dư bằng VNĐ do biến động tỷ giá là hiệu số giữa số vốn đã rút cộng số vốn còn lại theo VNĐ và TMĐT, cụ thể số liệu tính toán như sau:

| TT | Hạng mục   | Đ.vị | Hợp phần cầu           | Hợp phần đường         | Cộng                   | Ghi chú                         |
|----|--|------|------------------------|------------------------|------------------------|---------------------------------|
| 1  | Vốn SDR theo Hiệp định vay vốn                         | SDR  | 177.750.000            | 97.770.000             | 275.520.000            |                                 |
| 2  | Vốn SDR đã rút đến nay                                 | SDR  | 153.219.767            | 78.185.377             | 231.405.144            | Theo số thực tế các đơn đã rút  |
| 3  | Vốn SDR còn lại  | SDR  | 24.530.233             | 19.584.623             | 44.114.856             | (1)-(2)                         |
| 4  | Vốn còn lại đổi từ SDR ra USD                          | USD  | 34.866.819             | 27.837.221             | 62.704.040             | 1 SDR = 1,421 USD               |
| 5  | Vốn còn lại đổi từ USD ra VNĐ                          | VNĐ  | 807.820.613.417        | 644.953.618.071        | 1.452.774.231.488      | 1 USD = 23.168 VNĐ              |
| 6  | Vốn VNĐ đã rút đến nay                                 | VNĐ  | 4.890.426.650.475      | 2.511.473.812.183      | 7.401.900.462.659      | Theo số thực tế các đơn đã rút  |
| 7  | Tổng số vốn VNĐ có thể rút từ Hiệp định vay            | VNĐ  | 5.698.247.263.892      | 3.156.427.430.254      | 8.854.674.694.146      | (5)+(6)                         |
| 8  | Vốn VNĐ theo TMĐT                                      | VNĐ  | 5.525.220.000.000      | 3.038.310.000.000      | 8.563.530.000.000      |                                 |
| 9  | Vốn VNĐ dư do chênh lệch tỷ giá                        | VNĐ  | 173.027.263.892        | 118.117.430.254        | 291.144.694.146        | (7)-(8)                         |
| 10 | <b>Vốn VNĐ dư do chênh lệch tỷ giá đề xuất sử dụng</b> | VNĐ  | <b>164.375.900.697</b> | <b>112.211.558.741</b> | <b>276.587.459.439</b> | Giảm 5% để phòng rủi ro tỷ giá. |

Để dự phòng việc biến động tỷ giá bất lợi dẫn đến số vốn dư sụt giảm, Bộ GTVT đề xuất sử dụng số vốn dư do chênh lệch tỷ giá được giảm 5% so với tính toán, cụ thể là 276,59 tỷ đồng, trong đó Hợp phần cầu là 164,37 tỷ đồng, Hợp phần đường là 112,21 tỷ đồng.

#### ***b) Nhu cầu sử dụng vốn dư***

Hiện nay, nhu cầu đầu tư xây dựng cầu dân sinh và khôi phục, cải tạo đường ở các địa phương đều còn rất lớn, vì vậy việc sử dụng vốn dư do chênh lệch tỷ giá là cơ hội để phát huy hiệu quả đầu tư, tận dụng nguồn vốn vay IDA ưu đãi đã ký trong Hiệp định theo định hướng, chủ trương của Chính phủ và được Nhà tài trợ đã khuyến khích sử dụng (WB có công thư ủng hộ ngày 13/3/2020 và thư ngày 28/7/2021 kèm theo Biên bản ghi nhớ với Bộ GTVT).

#### ***c) Cơ sở pháp lý đề xuất sử dụng vốn dư do chênh lệch tỷ giá***

- Tại Quyết định số 1114/QĐ-TTg ngày 24/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án LRAMP, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu: “Đối với phần vốn dư do biến động tỷ giá chưa được duyệt trong tổng mức đầu tư Dự án, Bộ Giao thông vận tải thực hiện các thủ tục báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định theo đúng quy định tại Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài”.

- Tại Thông báo số 238/TB-VPCP ngày 10/7/2018 về kết luận cuộc họp Thường trực Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ có ý kiến: “*Đồng ý chủ trương sử dụng vốn dư của các dự án (gồm vốn dư sau đấu thầu, vốn dư do thay đổi tỷ giá, lãi suất, dự phòng chưa phân bổ và các khoản vốn dư khác) để tận dụng nguồn vốn điều kiện ưu đãi đã ký kết với nhà tài trợ*”.

- Tại Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 06/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt định hướng thu hút, quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi giai đoạn 2018-2020, tầm nhìn 2021-2025 nêu định hướng của Chính phủ: “*Vốn dư của các dự án được sử dụng để tận dụng nguồn vốn có điều kiện vay ưu đãi đã ký kết với nhà tài trợ, phát huy hiệu quả cao của chương trình, dự án đang thực hiện*”.

- Tại văn bản số 966/VPCP-QHQT ngày 06/02/2021 của Văn phòng Chính phủ về việc xử lý các kiến nghị của WB và gia hạn, hủy vốn dự án sử dụng vốn vay IDA của WB, Chính phủ đã có chủ trương đối với các dự án có tiến độ thực hiện và giải ngân tốt “*Trùng hợp cơ quan chủ quản có nhu cầu sử dụng vốn IDA dư để mở rộng, phát huy hiệu quả dự án hiện tại. Khẩn trương trao đổi, thống nhất với WB và tiến hành các thủ tục để sử dụng vốn IDA dư và điều chỉnh, kéo dài thời gian thực hiện dự án (nếu cần thiết) theo quy định hiện hành*”.

- Tài liệu thẩm định Dự án: Tại mục 44, phần B trong Tài liệu thẩm định dự án (PAD), các chỉ số DLI khuyến khích đạt được tiêu chuẩn tối thiểu theo quy định trong Sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án (OM). Điều này có nghĩa là, giá trị các chỉ tiêu về số km đường khôi phục cải tạo, số km đường được bảo dưỡng thường xuyên, số cầu được xây dựng lại hoặc xây dựng mới được khuyến khích đạt được càng lớn càng tốt trong phạm vi số vốn phân bổ. Phần vốn dư do chênh lệch tỷ giá của Dự án phù hợp để thực hiện mục tiêu này.

- Về kế hoạch vốn trung hạn: Đến hết năm 2021 Dự án được bố trí vốn ODA là 8.174,57/8.664,81 tỷ đồng (đạt 94%); vốn đối ứng 471,06/538,58 tỷ đồng (đạt 87%). Nguồn vốn còn lại đã được Bộ GTVT tổng hợp, báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư bổ sung trong kế hoạch trung hạn 2021-2025 đảm bảo đủ vốn thực hiện trong TMĐT.

- Về tiến độ thực hiện Dự án LRAMP: Việc sử dụng phần vốn dư do chênh lệch tỷ giá không dẫn tới phải điều chỉnh Hiệp định vay vốn của Dự án.

Dự án LRAMP sử dụng vốn vay IDA (vốn ODA) của WB có thời gian trả nợ và thời gian ân hạn dài, lãi suất thấp. Khoản vốn dư do chênh lệch tỷ giá của Dự án LRAMP nằm trong Hiệp định vay vốn đã được Chính phủ Việt Nam ký với WB nên không làm phát sinh nợ công mới. Việc sử dụng vốn dư Dự án LRAMP phù hợp với định hướng thu hút, quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi.

#### ***d) Dự kiến sử dụng phần vốn dư do chênh lệch tỷ giá***

Bộ GTVT đề xuất sử dụng vốn dư do chênh lệch tỷ giá cho Hợp phần đường của các tỉnh Lào Cai, Lạng Sơn và Nam Định, do 03 tỉnh đã thực hiện Hợp phần đường đảm bảo chất lượng, tiến độ, hiệu quả, tuân thủ tốt các quy định của Dự án. UBND 03 tỉnh đã có các văn bản gửi Thủ tướng Chính phủ và Bộ GTVT đề nghị được sử dụng phần vốn dư do chênh lệch tỷ giá của Dự án để tiếp tục đầu tư các tuyến đường thiết yếu theo các tiêu chí của Dự án, đồng thời cam kết đảm bảo các yêu cầu như: Dự án thành phần được lựa chọn nằm trong Kế hoạch chi tiêu trung

hạn (MTEP) và đáp ứng các tiêu chí của Dự án LRAMP; thực hiện Dự án trong thời gian của Hiệp định tài trợ (hoàn thành thi công xây dựng trong năm 2022); bố trí vốn đối ứng ngân sách tỉnh (để thực hiện các chi phí: GPMB, QLDA, rà phá bom mìn, vật nổ, kiểm toán...); giải ngân vốn dư đúng tiến độ và thực hiện tỷ lệ vay lại theo quy định tại Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ.

*(Danh mục và TMĐT các tuyến đường đề xuất nêu tại PHỤ LỤC 1)*

#### ***đ) Hình thức tổ chức quản lý thực hiện***

Thực hiện theo quy định của Dự án LRAMP và tuân thủ Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ.

#### ***e) Cơ chế tài chính trong nước***

Vốn dư do chênh lệch tỷ giá thực hiện theo cơ chế Chính phủ vay và thực hiện cơ chế cấp phát một phần, một phần các tỉnh vay lại theo quy định tại Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ.

*(Đề xuất cơ cấu nguồn vốn nêu tại PHỤ LỤC 2)*

Do đó, Bộ GTVT kiến nghị Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương sử dụng vốn dư do chênh lệch tỷ giá để đầu tư khôi phục, cải tạo thêm các tuyến đường tại 03 tỉnh Lào Cai, Lạng Sơn và Nam Định nhằm phát huy hiệu quả dự án và tận dụng nguồn vốn vay ưu đãi IDA.

### **2. Thời gian thực hiện**

Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên một số công trình sử dụng vốn dư được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án LRAMP tại Quyết định số 1114/QĐ-TTg ngày 24/7/2020 không thể hoàn thành trong năm 2021 mà phải đến năm 2022 mới hoàn thành do Dự án được tài trợ theo hình thức PforR (tài trợ dựa trên kết quả) nên việc giải ngân vốn ODA chỉ được thực hiện sau khi Tư vấn độc lập xác minh bộ chỉ số giải ngân kết quả (khối lượng hoàn thành trong năm 2022, thì tháng 4/2023 Tư vấn mới xác minh khối lượng hoàn thành làm cơ sở thanh toán). Trường hợp được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận sử dụng phần vốn dư do chênh lệch tỷ giá để thực hiện Hợp phần đường của các tỉnh Lào Cai, Lạng Sơn và Nam Định thì các địa phương cũng cần thêm thời gian để thực hiện đầu tư các tuyến đường được bổ sung.

Do đó, Bộ GTVT kiến nghị Thủ tướng Chính phủ chấp thuận điều chỉnh thời gian thực hiện Dự án đến hết tháng 6/2023 phù hợp với thời gian kết thúc Hiệp định vay vốn của Dự án.

### **3. Cơ chế tài chính trong nước**

#### ***a) Cơ chế vay lại của Hợp phần Khôi phục, cải tạo đường***

Tại khoản 2, Điều 1, Quyết định số 1114/QĐ-TTg ngày 24/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án LRAMP nêu: “*Vốn vay IDA của WB cho phần vốn dư: Các tỉnh tham gia dự án sử dụng vốn dư áp dụng tỷ lệ vay lại theo quy định tại Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ*”.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của

Chính phủ: “Cơ chế tài chính, điều kiện cho vay lại đối với các chương trình, dự án đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định; hợp đồng ủy quyền, hợp đồng cho vay lại đã được ký kết trước này Hiệp định này có hiệu lực tiếp tục thực hiện”.

Nghị định số 97/2018/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/7/2018, trong khi các hợp đồng cho vay lại đã ký giữa Bộ Tài chính và UBND 14 tỉnh tham gia Hợp phần đường được ký kết trước ngày 01/7/2018. Do đó các Hợp đồng vay lại của 14 tỉnh tham gia Hợp phần đường sẽ được tiếp tục thực hiện theo tỷ lệ vay đã ký. Hơn nữa, số vốn dư ODA (vốn dư 5% dự phòng, dư tiết kiệm sau đấu thầu) của các tỉnh vẫn nằm trong số vốn đã phân bổ ban đầu cho 14 tỉnh và sẽ được sử dụng hết cho mục tiêu khôi phục, cải tạo đường địa phương.

Bộ GTVT kiến nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép 14 tỉnh tham gia Hợp phần đường tiếp tục thực hiện tỷ lệ vay lại đối với phần vốn dư ODA (vốn dư 5% dự phòng, dư tiết kiệm sau đấu thầu) theo các thỏa thuận/hợp đồng cho vay lại đã ký với Bộ Tài chính.

### ***b) Cơ chế bố trí vốn đối ứng của Hợp phần Khôi phục, cải tạo đường***

Theo Quyết định phê duyệt danh mục dự án của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định phê duyệt dự án của Bộ GTVT, nguồn vốn đối ứng địa phương bố trí cho Hợp phần đường (241,02 tỷ đồng) để thực hiện GPMB, rà phá bom mìn, vật nổ, QLDA, kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành... Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, UBND tỉnh Hà Giang và Hà Tĩnh đã sử dụng vốn đối ứng của địa phương để bổ sung cho chi phí xây lắp vào các tuyến đường của Dự án nhằm: (i) Khắc phục hậu quả mưa lũ, kiên cố hóa công trình cho các tuyến đường của Dự án; (ii) Đảm bảo tính kết nối và tăng hiệu quả khai thác tuyến đường, cụ thể như sau:

- UBND tỉnh Hà Giang bố trí ngân sách địa phương để khắc phục hậu quả mưa lũ, kiên cố hóa công trình cho tuyến đường Nậm Dịch - Nam Sơn - Hồ Thầu - Quảng Nguyên - Nà Chì (Km14+000 - Km40+400).

- UBND tỉnh Hà Tĩnh bố trí ngân sách địa phương để Đảm bảo tính kết nối và tăng hiệu quả khai thác 09 tuyến đường gồm: Đường tỉnh ĐT.554 (Km88+100-Km100+00), Đường trục xã Liên Minh, Đường TX-01 (Ngọc Sơn), Tuyến ĐT.548 (Km 0+00-Km11+00), Đường thị trấn - Hương Thọ (HL8) huyện Vũ Quang, Đường trục xã Xuân Yên, Đường Liên xã Thọ Thu, Đường tỉnh ĐT.548 (Km11+970-Km0+370), Đường tỉnh ĐT.553 (Km63+00-Km74+00). Đây là chủ trương cần được khuyến khích để đồng bộ khi khai thác các tuyến trong mạng lưới đường địa phương.

Kết quả bổ sung vốn của 02 tỉnh như sau:

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

| Tỉnh     | Theo Quyết định số 1698/QĐ-BGTVT |         | Đề nghị điều chỉnh |         | Chênh lệch |         |
|----------|----------------------------------|---------|--------------------|---------|------------|---------|
|          | ODA                              | Đối ứng | ODA                | Đối ứng | ODA        | Đối ứng |
| Hà Giang | 265,57                           | 21,02   | 265,57             | 25,21   | 0,00       | +4,19   |
| Hà Tĩnh  | 207,06                           | 16,42   | 207,06             | 56,11   | 0,00       | +39,69  |

Như vậy, vốn đối ứng địa phương trong Hợp phần đường đã tăng từ 241,02 tỷ đồng lên 281,37 tỷ đồng nhưng chưa vượt TMĐT của Dự án.

Bộ GTVT kiến nghị Thủ tướng Chính phủ chấp thuận điều chỉnh cơ chế tài chính trong nước đối với vốn đối ứng địa phương như sau: “Vốn đối ứng địa

phương: các tỉnh tự bố trí cho công tác *giải phóng mặt bằng, rà phá bom mìn, vật nổ theo quy định tại Quyết định số 330/QĐ-TTg và một phần xây lắp*”.

#### 4. Điều chỉnh tổng mức đầu tư

Tỷ giá được sử dụng để tính vốn dư do chênh lệch tỷ giá là tỷ giá bình quân trong vòng 01 năm gần đây giữa USD và VNĐ: 1USD = 23.168 VNĐ.

Vốn dư ODA do chênh lệch tỷ giá là 276,59 tỷ đồng (tương đương 11,94 triệu USD); vốn đối ứng của địa phương là 60,67 tỷ đồng (tương đương 2,62 triệu USD); vốn đối ứng trung ương là 1,59 tỷ đồng (tương đương 0,07 triệu USD) được đề xuất đầu tư các tuyến đường địa phương tại 03 tỉnh Lào Cai, Lạng Sơn và Nam Định sẽ làm tăng TMĐT của Dự án bằng tiền USD và VNĐ nên cần phải điều chỉnh tăng TMĐT (giữ nguyên giá trị vay vốn trong Hiệp định bằng đồng SDR là: 278,8 triệu SDR), cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Triệu USD

| Nguồn vốn              | Quyết định số 330/QĐ-TTg | Đề nghị điều chỉnh | Chênh lệch    |
|------------------------|--------------------------|--------------------|---------------|
| Vốn vay WB (IDA)       | 385,00                   | 396,94             | +11,94        |
| Đối ứng                | 23,93                    | 26,62              | + 2,69        |
| <b>Tổng mức đầu tư</b> | <b>408,93</b>            | <b>423,56</b>      | <b>+14,63</b> |

#### V. KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở các nội dung trên, Bộ GTVT kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án LRAMP với các nội dung sau:

1. Điều chỉnh thời gian thực hiện Dự án: Từ 2016-2021 điều chỉnh thành “*Từ năm 2016 đến tháng 6/2023*”, phù hợp với thời gian kết thúc Hiệp định vay vốn cho Dự án.

2. Cơ chế tài chính trong nước:

- Cho phép 14 tỉnh tham gia Hợp phần đường tiếp tục thực hiện tỷ lệ vay lại đối với phần vốn dư ODA (vốn dư 5% dự phòng, dự tiết kiệm sau đấu thầu) theo các thỏa thuận/hợp đồng cho vay lại đã ký với Bộ Tài chính.

- Chấp thuận điều chỉnh cơ chế tài chính trong nước đối với vốn đối ứng địa phương như sau: “*Vốn đối ứng địa phương: các tỉnh tự bố trí cho công tác giải phóng mặt bằng, rà phá bom mìn, vật nổ theo quy định tại Quyết định số 330/QĐ-TTg và một phần xây lắp*” (trường hợp của tỉnh Hà Giang và Hà Tĩnh nêu trên).

3. Chấp thuận chủ trương sử dụng vốn dư do chênh lệch tỷ giá (bao gồm cả dư do tỷ giá của Hợp phần cầu) để đầu tư khôi phục, cải tạo thêm các tuyến đường tại 03 tỉnh Lào Cai, Lạng Sơn và Nam Định nhằm phát huy hiệu quả dự án và tận dụng nguồn vốn vay ưu đãi IDA.

4. Điều chỉnh tổng mức đầu tư: Từ 408,93 triệu USD (tại Quyết định số 330/QĐ-TTg) điều chỉnh thành **423,56 triệu USD**, trong đó:

- *Vốn vay IDA của WB*: Từ 385 triệu USD điều chỉnh thành **396,94 triệu USD**.

- *Vốn đối ứng*: Từ 23,93 triệu USD điều chỉnh thành **26,62 triệu USD**.

#### V. DANH MỤC HỒ SƠ KÈM THEO

1. Tờ trình của Bộ GTVT đề nghị Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án LRAMP kèm theo 02 PHỤ LỤC và Báo cáo thẩm định nội

bộ của Bộ GTVT.

2. Các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 330/QĐ-TTg ngày 02/3/2016 phê duyệt danh mục Dự án LRAMP, vay vốn WB; số 1114/QĐ-TTg ngày 24/7/2020 phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án LRAMP;

3. Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư sử dụng vốn dự, Dự án LRAMP.

4. Các văn bản đề nghị của UBND tỉnh Lào Cai, Lạng Sơn và Nam Định.

Bộ GTVT kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt./.

***Nơi nhận:***

- Như kính gửi;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- UBND các tỉnh: Lào Cai, Lạng Sơn và Nam Định;
- Tổng cục ĐBVN;
- Các Ban QLDA: 3, 4, 6, 8;
- Lưu: VT, KHĐT (03b) SONTT.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Lê Đình Thọ**